

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-ĐHSPKT ngày 24/8/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2023 như sau:

I. Các chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu năm 2023
1.	Giáo dục học	8140101	95
2.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	45
3.	Quản lý kinh tế	8310110	245
4.	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	85
5.	Kỹ thuật nhiệt	8520115	60
6.	Kỹ thuật cơ khí	8520103	120
7.	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	55
8.	Kỹ thuật điều khiển & tự động hoá	8520216	55
9.	Kỹ thuật điện	8520201	120
10.	Kỹ thuật điện tử	8520203	65
11.	Kỹ thuật viễn thông	8520208	45
12.	Kỹ thuật xây dựng	8580201	150
13.	Khoa học máy tính	8480101	55
14.	Công nghệ thực phẩm	8540101	90
15.	Kỹ thuật môi trường	8520320	65

II. Phương thức tuyển sinh

- Tuyển sinh các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng hình thức xét tuyển.
- Đối với thí sinh chưa có bằng cấp/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định sẽ tham gia và đạt yêu cầu kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào Anh văn tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường ĐH SPKT TP.HCM tổ chức.

III. Thời gian, hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm.
- Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng (Phụ lục I). Hình thức đào tạo vừa học vừa làm chỉ áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

IV. Đối tượng và điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (Phụ lục II). Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu có kết quả xếp hạng tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu.

2. Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thể hiện qua một trong các minh chứng sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục III của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Đạt yêu cầu kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào Anh văn tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường ĐH SPKT TP.HCM tổ chức.

3. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; ngoài ra phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục III) còn hiệu lực 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4. Ứng viên thuộc những trường hợp không phải ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 mục này sẽ được yêu cầu phải hoàn thành học bổ sung trước khi xét tuyển.

V. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Con liệt sĩ;

b) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

c) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm b, mục này;

d) Thương binh, bệnh binh người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh;

đ) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 mục V này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả điểm xét tuyển trung bình tối đa 0,75 điểm (trên thang điểm 10) với mỗi mức ưu tiên.

VI. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

Căn cứ vào chỉ tiêu và điểm trung bình xét duyệt hồ sơ, Hội đồng tuyển sinh xác định mức điểm trúng tuyển.

VII. Hồ sơ dự tuyển: (download mẫu tại website: sdh.hcmute.edu.vn mục Tuyển sinh SDH)

1. Đơn đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*);
2. 01 bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học;
3. 01 bản sao công chứng bảng điểm đại học và bảng điểm cao đẳng/trung cấp (*nếu học liên thông*);
4. 01 bản sao công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*nếu có*) kèm bản cam kết về việc sử dụng văn bằng chứng chỉ (*theo mẫu*);
5. 03 tấm ảnh (3 x 4) mới chụp (*đối với thí sinh đăng ký thi đánh giá năng lực tiếng Anh, thí sinh không thi tiếng Anh không phải nộp hình*);
6. Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có - theo mẫu*);
7. Bản photo giấy chuyển tiền lệ phí xét tuyển và lệ phí dự thi môn tiếng Anh (*trường hợp thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh, không phải đóng lệ phí dự thi môn tiếng Anh*);
8. Minh chứng năng lực nghiên cứu khoa học (*nếu có*).

VIII. Lệ phí hồ sơ, phí xét tuyển/thi tuyển, thời gian thi tuyển môn tiếng Anh

1. Lệ phí hồ sơ, phí xét/thi tuyển

- a) Lệ phí xét tuyển : 500.000 đồng/thí sinh;
- b) Lệ phí dự thi môn tiếng Anh : 800.000 đồng/thí sinh (thí sinh có bằng cấp/chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 trở lên hoặc tương đương không nộp lệ phí này);
- c) Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển : từ ngày ra thông báo đến hết ngày 17/12/2023.

2. Thời gian thi tuyển môn tiếng Anh, áp dụng cho thí sinh chưa có bằng cấp/chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 trở lên hoặc tương đương: dự kiến ngày 07/01/2024

- 7g30 ngày 07/01/2024 : sinh hoạt qui chế, nhận phiếu báo dự thi
- 8g30 ngày 07/01/2024 : thi kỹ năng nghe, đọc, viết
- 13g00 ngày 07/01/2024 : thi kỹ năng nói.

3. Thời gian xét tuyển, công bố kết quả và nhập học:

- Thời gian xét tuyển hồ sơ : dự kiến 23-30/01/2024.
- Công bố kết quả xét tuyển : dự kiến trước 31/01/2024.
- Thời gian nhập học : dự kiến 3/2024.

4. Học phí, kế hoạch ôn tập môn tiếng Anh và học các môn học bổ sung (nếu có) sẽ được nhà trường thông báo sau.

IX. Phiếu báo dự thi môn tiếng Anh

- Danh sách phòng thi tiếng Anh: sẽ được cập nhật lên website: sdh.hcmute.edu.vn (mục Tuyển sinh SDH) trước ngày thi tuyển 7-10 ngày.

- Phiếu báo dự thi: Thí sinh sẽ nhận tại phòng thi vào buổi sáng sinh hoạt qui chế thi (07/01/2024).

X. Học phí:

Theo Quy định thu học phí năm học 2023 – 2024 (học phí 19.000.000 VNĐ/học kỳ).

XI. Nơi liên hệ và giải đáp thắc mắc

Phòng Đào tạo – Bộ phận Sau đại học (A1-401 Tầng 4 Tòa nhà trung tâm)

Điện thoại: (028) 37225766 hoặc (028) 37221223 bấm số 8125

Email: tuyensinh.sdh@hcmute.edu.vn

Website: sdh.hcmute.edu.vn (xem tại mục Tuyển sinh SDH)

XII. Hướng dẫn nộp lệ phí thi/xét tuyển:

Thí sinh nộp tiền theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Trường, với thông tin sau:

- Đơn vị thụ hưởng : Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM

- Số tài khoản : 31410001757777

- Tại ngân hàng : Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Đông Sài Gòn, Tp. HCM.

- Nội dung giao dịch : [Mã hồ sơ] [Họ & tên] [thi AV hay xét tuyển]

Ví dụ: SDH101 Nguyễn Văn A – thi AV;

SDH101 Nguyễn Văn A – xét tuyển;

Nơi nhận:

- Sở GD, ĐH, CĐ, TC;
- THPT, THCS, TH, MN;
- Lưu: VT, ĐT (10b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Hiếu Giang



PHỤ LỤC I

(Kèm Thông báo số 2859/TB-ĐHSPKT ngày 24/10/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) định hướng ứng dụng

a) CTĐT có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người. CTĐT được thiết kế để học viên dành toàn bộ thời gian học các học phần và thực hiện luận văn, hoặc dự án, hoặc báo cáo tốt nghiệp cuối khóa học (nếu có).

b) Khung CTĐT hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ (TC), trong đó, có 06-09 TC thực tập.

- Môn học chung : 06 TC
- Kiến thức cơ sở ngành : 21 TC, trong đó học phần bắt buộc: 15 TC
- Kiến thức chuyên ngành : 24 TC, trong đó học phần bắt buộc: 15 TC
- Đề án/đồ án/dự án : 09 TC

c) Điều kiện để được bảo vệ đề án/đồ án/dự án:

- Được ít nhất 1 phản biện tán thành đề án/luận văn và đồng ý cho phép bảo vệ trước Hội đồng đánh giá. Trường hợp nếu cả 02 phản biện không đồng ý cho phép bảo vệ, học viên sẽ không được ra hội đồng bảo vệ và phải làm thủ tục kéo dài đề án theo hướng dẫn của Phòng Đào tạo.

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) định hướng nghiên cứu

a) CTĐT có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ. CTĐT được thiết kế để học viên kết hợp hoàn thành các học phần và thực hiện luận văn nghiên cứu.

b) Khung CTĐT hướng nghiên cứu gồm 60 tín chỉ (TC).

- Môn học chung : 06 TC
- Kiến thức cơ sở ngành : 19 TC, trong đó học phần bắt buộc ít nhất 6 TC, Chuyên đề 1 (07 TC)
- Kiến thức chuyên ngành : 20 TC, trong đó học phần bắt buộc ít nhất 6 TC, Chuyên đề 2 (08 TC)
- Luận văn tốt nghiệp : 15 TC

c) Điều kiện để được bảo vệ luận văn tốt nghiệp:

- Được ít nhất 1 phản biện tán thành đề án/luận văn và đồng ý cho phép bảo vệ trước Hội đồng đánh giá. Trường hợp nếu cả 02 phản biện không đồng ý cho phép bảo vệ, học viên sẽ không được ra hội đồng bảo vệ và phải làm thủ tục kéo dài luận văn theo hướng dẫn của Phòng Đào tạo.

- Học viên thuộc hướng nghiên cứu phải có ít nhất 01 bài báo liên quan đến luận văn được đăng trên tạp san hội nghị khoa học hoặc trên tạp chí khoa học trong nước, quốc tế được liệt kê trong danh mục các tạp chí được tính điểm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư. Nội dung bài báo phải liên quan đến nội dung luận văn tốt nghiệp và học viên phải là tác giả thứ nhất và người hướng dẫn là đồng tác giả.



(Kèm Thông báo số 2859/TB-ĐHSPKT ngày 24 / 10 /2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM)

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN

TT	Chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
1.	Giáo dục học	Thí sinh tốt nghiệp tất cả các ngành trong danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.		
2.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	- Sư phạm công nghệ; - Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; - Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp; - Hoặc ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác với ngành Sư phạm công nghệ dưới 10% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên hoặc ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác với ngành Sư phạm công nghệ từ 10% đến 40% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành. Nhóm ngành còn lại.	1- Giáo dục STEM (3TC); 2- Nhập môn ngành Sư phạm Công nghệ (3TC). 1- Tâm lý học (3TC); 2- Giáo dục học (3TC); 3- Giáo dục STEM (3TC); 4- Nhập môn ngành sư phạm công nghệ (3TC).
3.	Quản lý kinh tế	- Kinh tế học; - Kinh doanh; - Quản trị - Quản lý.	- Tài chính – Ngân hàng; - Kế toán – Kiểm toán; Các ngành không thuộc khối ngành kinh tế.	Học 02 trong các môn sau: 1- Quản trị Marketing (3TC); 2- Quản trị học (3TC); 3- Tài chính doanh nghiệp (3TC); 4- Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC). Học 04 trong các môn sau: 1- Quản trị Marketing (3TC); 2- Quản trị học (3TC); 3- Kinh tế học đại cương (3TC); 4- Nguyên lý kế toán (3TC); 5- Lý thuyết tài chính tiền tệ (3TC); 6- Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC); 7- Tài chính doanh nghiệp (3TC); 8- Quản trị chiến lược (3TC).
4.	Kỹ thuật cơ khí động lực	- Công nghệ Kỹ thuật ô tô; - Kỹ thuật ô tô; - Kỹ thuật Cơ khí Động lực.	- Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí; - Công nghệ chế tạo máy; - Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử;	1- Nguyên lý động cơ đốt trong (3TC); 2- Lý thuyết ô tô (3TC); 3- Hệ thống điện – điện tử ô tô (3TC).

TT	Chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt; - Công nghệ Kỹ thuật tàu thủy; - Bảo dưỡng công nghiệp; - Kỹ thuật Cơ khí; - Kỹ thuật Cơ điện tử; - Kỹ thuật Nhiệt; - Kỹ thuật Công nghiệp; - Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp; - Kỹ thuật Hàng không; - Kỹ thuật tàu thủy. 	
			Các ngành còn lại trong nhóm ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> 1- Kỹ thuật điện điện tử (3TC); 2- Sức bền vật liệu (3TC); 3- Cơ lý thuyết (3TC); 4- Nguyên lý động cơ đốt trong (3TC); 5- Lý thuyết ô tô (3TC); 6- Hệ thống điện – điện tử ô tô (3TC).
5.	Kỹ thuật nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt; - Kỹ thuật Nhiệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ Kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ Kỹ thuật Hạt nhân; - Kỹ thuật hạt nhân; - Công nghệ Thực phẩm; - Công nghệ chế biến Thủy sản; - Công nghệ Kỹ thuật Ô tô; - Kỹ thuật Ô tô; - Kỹ thuật Cơ khí Động lực; - Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí; - Kỹ thuật cơ khí; - Công nghệ chế tạo máy; - Năng lượng tái tạo; - Công nghệ Kỹ thuật Năng lượng tái tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> 1- Lò hơi (3TC); 2- Nhà máy nhiệt điện (3TC); 3- Máy nén và Thiết bị lạnh (3TC).
			Các ngành còn lại trong nhóm Công nghệ Kỹ thuật (Mã nhóm ngành 751) và Kỹ thuật (Mã nhóm ngành 752).	<ul style="list-style-type: none"> 1- Lò hơi (3TC); 2- Nhà máy nhiệt điện (3TC); 3- Máy nén và Thiết bị lạnh (3TC); 4- Kỹ thuật lạnh (3TC);

TT	Chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
				5- Điều hòa không khí (3TC).
6.	Kỹ thuật cơ khí	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật cơ khí; - Công nghệ chế tạo máy; - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật cơ khí; - Kỹ thuật cơ điện tử. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật công nghiệp; - Robot và trí tuệ nhân tạo; - Kỹ nghệ gỗ và nội thất; - Kỹ thuật cơ khí động lực; 	<ul style="list-style-type: none"> 1- Nguyên lý - chi tiết máy (4TC); 2- Cơ sở công nghệ chế tạo máy (3TC); 3- Công nghệ thủy lực và khí nén (3TC).
			Các ngành không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III	Do Hội đồng khoa học Khoa quyết định trên cơ sở từng trường hợp cụ thể.
7.	Kỹ thuật cơ điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử. 	<p>Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật cơ khí; - Kỹ thuật nhiệt; - Kỹ thuật cơ khí động lực; - Kỹ thuật công nghiệp; - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; - Kỹ thuật ô tô; - Kỹ thuật in; - Kỹ thuật hàng không; - Robot và AI. <p>Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật điện tử; - Kỹ thuật rada - dẫn đường; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật viễn thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Môn học chuyển đổi cho kỹ sư nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật (Không phải Cơ - Điện tử): Điều Khiển Tự Động (3 TC). - Môn học chuyển đổi cho nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (Không phải Cơ - Điện tử): Nguyên lý – Chi tiết máy (3 TC).
			Ngành tốt nghiệp đại học không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III.	<ul style="list-style-type: none"> 1- Điều Khiển Tự Động (3 TC); 2- Nguyên lý – Chi tiết máy (3 TC).
8.	Kỹ thuật điều khiển & tự động hoá	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; - Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật Điện - Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử - Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông 	<ul style="list-style-type: none"> 1- Hệ thống điều khiển tự động (3TC); 2- Kỹ thuật robot (3TC).

TT	Chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			- Kỹ thuật y sinh	
			- Công nghệ kỹ thuật cơ khí; - Robot và trí tuệ nhân tạo; Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử.	1- Hệ thống điều khiển tự động (3TC); 2- Kỹ thuật Robot (3TC); 3- Hệ thống điều khiển nâng cao (3TC).
9.	Kỹ thuật điện	- Công nghệ kỹ thuật điện điện tử; - Kỹ thuật điện điện tử.	- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	1- Cung cấp điện (4TC) ;
		- Công nghệ kỹ thuật điện – viễn thông; - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật điện – viễn thông; - Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh); - Hệ thống nhúng và IoT.	1- Cung cấp điện (4TC); 2- Truyền động điện tự động (4TC).	
10.	Kỹ thuật điện tử	- Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật Rada- dẫn đường; - Kỹ thuật điện tử viễn thông; - Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử ; - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; - Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ Kỹ thuật máy tính	- Kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật nhiệt; - Kỹ thuật cơ khí động lực; - Kỹ thuật ô tô; - Kỹ thuật hạt nhân; - Vật lý kỹ thuật; - Kỹ thuật hàng không; - Kỹ thuật máy tính.	1- Xử lý tín hiệu số (3TC).
			- Cơ kỹ thuật; - Kỹ thuật cơ khí; - Kỹ thuật công nghiệp; - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; - Kỹ thuật in; - Kỹ thuật vật liệu.	1- Xử lý tín hiệu số (3TC); 2- Điện tử cơ bản (4TC); 3- Điện tử công suất (3TC); 4- Kỹ thuật số (3TC).
11.	Kỹ thuật viễn thông	- Kỹ thuật Điện Tử - Viễn Thông; - Công nghệ Kỹ thuật Điện Tử -	- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu;	1- Tín hiệu và hệ thống (3TC); 2- Kỹ thuật truyền số liệu (3TC);

TT	Chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
		Viễn Thông.	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật radar - dẫn đường; - Kỹ thuật thủy âm; - Kỹ thuật biển; - Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. 	3- Xử lý tín hiệu số (3TC).
12.	Kỹ thuật xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; - Công nghệ kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật xây dựng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật giao thông; - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; - Quản lý xây dựng. 	Kết cấu công trình bê tông cốt thép (2TC)
		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; - Kỹ thuật xây dựng công trình biển; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Địa kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật tài nguyên nước; - Kỹ thuật cấp thoát nước; - Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; - Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; - Cơ kỹ thuật; - Kỹ thuật địa chất; - Kinh tế xây dựng; - Hệ thống Kỹ thuật Công trình Xây dựng; - Quản lý và Vận hành Hạ tầng. 	Tùy thuộc bảng điểm, học 1 đến 4 môn: 1- Kết cấu bê tông cốt thép (4TC); 2- Kết cấu công trình bê tông cốt thép (2TC); 3- Cơ học đất (4TC); 4- Nền móng (3TC).	
13.	Khoa học máy tính	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông đa phương tiện; - Toán - Tin; - Toán tin ứng dụng; 	1- Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị (3TC); 2- Cơ sở dữ liệu (3TC); 3- Mạng máy tính (3TC).

TT	Chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Công nghệ thông tin; - An toàn thông tin; - Kỹ thuật dữ liệu; - Sư phạm tin học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin quản lý; - Tin học Công nghiệp; - Vật lý - Tin học; - Sư phạm Kỹ thuật Tin. 	
			<ul style="list-style-type: none"> - Điện tử viễn thông; - Cơ điện tử; - Điều khiển tự động; - Công nghệ truyền thông; - Kỹ thuật điện tử - viễn thông; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; - Kỹ thuật điện; - Toán ứng dụng; - Khoa học tính toán. 	<ol style="list-style-type: none"> 1- Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị (3TC); 2- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (3TC); 3- Cơ sở dữ liệu (3TC); 4- Hệ điều hành (3TC); 5- Mạng máy tính căn bản (3TC); 6- Lập trình hướng đối tượng (3TC).
14.		Công nghệ thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sau thu hoạch; - Công nghệ chế biến thủy sản; - Công nghệ sinh học; - Sinh học; - Kinh tế gia đình. 	<ol style="list-style-type: none"> 1- Các quá trình cơ bản trong CNTP (2TC); 2- Hóa học thực phẩm (2TC); 3- Hóa sinh thực phẩm (2TC); 4- Vi sinh thực phẩm (2TC); 5- Đánh giá cảm quan thực phẩm (2TC).
	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học	<ol style="list-style-type: none"> 1- Các quá trình truyền nhiệt và truyền khối trong CNTP (2TC); 2- Các quá trình cơ bản trong CNTP (2TC); 3- Hóa học thực phẩm (2TC); 4- Hóa sinh thực phẩm (2TC); 5- Vi sinh thực phẩm (2TC); 6- Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (2TC); 7- Đánh giá cảm quan thực phẩm (2TC); 8- Phụ gia thực phẩm (2TC).
15.		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ kỹ thuật môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - CN Kỹ Thuật Hóa Học; - Kỹ thuật Hóa học; - CN kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật xây dựng; - Quản lý tài nguyên và môi trường; - Kỹ thuật Cấp Thoát Nước; - Khoa Học Môi Trường; 	<p>Học 3 trong các môn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa kỹ thuật môi trường (3TC); - Kỹ thuật xử lý nước thải (3TC); - Kỹ thuật xử lý khí thải (3TC); - Vi sinh vật kỹ thuật Môi trường (3TC); - Quản lý và kỹ thuật xử lý chất thải rắn (3TC).
	Kỹ thuật môi trường			

TT	Chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hộ lao động; - Quản lý công nghiệp; - Công nghệ sinh học. 	

¹ Người học **không phải học bổ sung** kiến thức ngành của chương trình đại học.

² Người học **phải học bổ sung** kiến thức ngành của chương trình đại học **trước khi xét tuyển**.

—ng



PHỤ LỤC III

(Kèm Thông báo số 285/TB-ĐHSPKT ngày 24/ 102023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM)

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2